TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HỒNG DÂN
TỈNH BẠC LIÊU

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 20/2022/HNGĐ - ST
Ngày: 28/02/2022.
"V/v tranh chấp xin ly hôn và nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỒNG DÂN

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Văn Bình**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Lê Văn Thuyền**

2. Bà **Ngô Hồng Xuân**

Thư ký phiên tòa: Bà **Thái Kim Phương** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Dân tham gia phiên tòa: Ông **Dương Minh Kha** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 02 năm 2022 tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Hồng Dân mở phiên toà xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số: 25/2022/TLST – HNGĐ, ngày 25 tháng 01 năm 2022 về việc tranh chấp xin ly hôn và nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2022/QĐXXST – HNGĐ, ngày 07 tháng 02 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Mỹ T**, sinh năm 1983

Địa chỉ: ấp Cai Giảng, xã Lộc Ninh, huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu.

2. Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn Đ,** sinh năm 1977

Địa chỉ: ấp Bình Dân, xã Lộc Ninh, huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu.

(Chị Nguyễn Thị Mỹ T và anh Nguyễn Văn Đ vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và tại bản tự khai ngày 25/01/2022 nguyên đơn chị Nguyễn Thị Mỹ T trình bày:

Về hôn nhân: Vào năm 2000, chị T và anh Đ có tổ chức đám cưới với nhau trên tinh thần tự nguyện, không ai ép buộc nhưng không có tiến hành đăng ký

kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng anh chị chung sống với nhau hạnh phúc nhưng được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cự cải, bất đồng quan điểm trong cuộc sống và hiện tại hai vợ chồng đã sống ly thân với nhau 03 năm nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị T yêu cầu được ly hôn với anh Đ.

Về con chung: Chị T xác định trong quá trình chung sống giữa chị và anh Đ có 02 người con chung là cháu Nguyễn Thị Kim Hiền, sinh ngày 01/01/2001 và cháu Nguyễn Thị Kim Hậu, sinh ngày 17/9/2008. Hiện tại cháu Hiền đã lớn và đã trưởng thành còn cháu Hậu thì đang sống với chị T. Chị T xác định do cháu Hiền đã lớn nên chị không yêu cầu giải quyết, còn cháu Hậu thì tùy theo nguyện vọng của cháu muốn theo ai thì người đó nuôi và người còn lại không phải cấp dưỡng cho cháu Hậu.

Về tài sản chung: Chị T xác định tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, chị T không có yêu cầu gì khác.

**** Tại biên bản lấy lời khai ngày 25/01/2022 bị đơn anh Nguyễn Văn Đ trình bày:***

Về hôn nhân: Vào năm 2000, anh Đ và chị T có tổ chức đám cưới với nhau trên tinh thần tự nguyện, không ai ép buộc nhưng không có tiến hành đăng ký kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng anh chị chung sống với nhau hạnh phúc nhưng được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cự cải, bất đồng quan điểm trong cuộc sống và hiện tại hai vợ chồng đã sống ly thân với nhau khoảng 03 năm nay. Nay chị T yêu cầu ly hôn với anh Đ thì anh Đ đồng ý;

Về con chung: Anh Đ xác định trong quá trình chung sống giữa anh và chị T có 02 người con chung là cháu Nguyễn Thị Kim Hiền, sinh ngày 01/01/2001 và cháu Nguyễn Thị Kim Hậu, sinh ngày 17/9/2008. Hiện tại cháu Hiền đã lớn và đã trưởng thành , còn cháu Hậu thì đang sống với chị T. Anh Đ xác định do cháu Hiền đã lớn nên anh không yêu cầu giải quyết, còn cháu Hậu thì anh đồng ý giao cho chị T nuôi dưỡng và anh không phải cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung: Anh Đ xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu giải Tòa án quyết.

Ngoài ra, anh Đ không có yêu cầu gì khác.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định pháp luật.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Từ khi tham gia tố tụng cho đến nay, nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình. Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn, bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Nguyễn Thị Mỹ T và anh Nguyễn Văn Đ là vợ chồng;

2. Về quan hệ con chung: Tiếp tục giao cháu Nguyễn Thị Kim Hậu, sinh ngày 17/9/2008 cho chị Nguyễn Thị Mỹ T nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh Nguyễn Văn Đ không phải cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Thị Kim Hậu nhưng anh được quyền tới lui thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền ngan cản;

3. Về quan hệ tài sản: Chị Nguyễn Thị Mỹ T và anh Nguyễn Văn Đ xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

Ngoài ra đương sự còn phải chịu tiền án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật: Chị Nguyễn Thị Mỹ T khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn Đ và yêu cầu giải quyết về con chung nên căn cứ khoản 7 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án thụ lý giải quyết vụ án về "Tranh chấp xin ly hôn và nuôi con" là đúng quy định.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn anh Nguyễn Văn Đ có nơi đăng ký thường trú tại ấp Bình Dân, xã Lộc Ninh, huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân huyện Hồng Dân thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[3] Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Mỹ T và anh Nguyễn Văn Đ tuy rằng vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn yêu cầu được xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt đối với chị T và anh Đ.

Về nội dung vụ án:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Mỹ T yêu cầu xin ly hôn với anh Nguyễn Văn Đ, Hội đồng xét xử xét thấy: Chị T và anh Đ thừa nhận vào năm 2000 chị T và anh Đ có tổ chức đám cưới trên tinh thần tự nguyện, không ai ép buộc nhưng đến nay anh chị chưa có đăng ký kết hôn. Nay chị T xin ly hôn với chị Điết thì anh Đ cũng đồng ý. Tuy nhiên, theo Khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 quy định: *"Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này mà chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng"*. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình không công nhận chị Nguyễn Thị Mỹ T và anh Nguyễn Văn Đ là vợ chồng.

[2] Về quan hệ con chung: Chị T và anh Đ xác định giữa anh chị có 02 người con chung là cháu Nguyễn Thị Kim Hiền, sinh ngày 01/01/2001 và cháu Nguyễn Thị Kim Hậu, sinh ngày 17/9/2008. Hiện tại cháu Hiền đã lớn và đã trưởng thành, còn cháu Hậu thì đang sống chung với chị T. Chị T và anh Đ xác định do cháu Hiền đã lớn nên không yêu cầu giải quyết. Còn cháu Nguyễn Thị Kim Hậu, sinh ngày 17/9/2008 thì chị T yêu cầu nuôi dưỡng và anh Đ cũng đồng ý giao cháu Nguyễn Thị Kim Hậu, sinh ngày 17/9/2008 cho chị T nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử xét thấy cháu Nguyễn Thị Kim Hậu, sinh ngày 17/9/2008 hiện đang sống ổn định với chị T. Bên cạnh đó, cháu Nguyễn Thị Kim Hậu, sinh ngày 17/9/2008 có nguyện vọng được theo sống chung với chị T. Do đó, Hội đồng xét xử tiếp tục giao cháu Nguyễn Thị Kim Hậu, sinh ngày 17/9/2008 cho chị T nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Chị T không yêu cầu cấp dưỡng cho cháu Hậu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[3] Về quan hệ tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Mỹ T và anh Nguyễn Văn Đ xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Mỹ T phải chịu số tiền 300.000 đồng.

Về ý kiến phát biểu việc giải quyết vụ án của Kiểm sát viên: Hội đồng xét xử xét thấy việc đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ và được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 7 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 9, Điều 14, Điều 51, Điều 53, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Nguyễn Thị Mỹ T và anh Nguyễn Văn Đ là vợ chồng.

2. Về quan hệ con chung: Tiếp tục giao cháu Nguyễn Thị Kim Hậu, sinh ngày 17/9/2008 cho chị Nguyễn Thị Mỹ T nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh Nguyễn Văn Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung nhưng anh được quyền tới lui thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản;

3. Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Mỹ T và anh Nguyễn Văn Đ xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Buộc chị Nguyễn Thị Mỹ T phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng chị Nguyễn Thị Mỹ T đã dự nộp số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0006102, ngày 25/01/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu nay chuyển thu toàn bộ số tiền trên thành án phí.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ. Viện Kiểm sát nhân dân cùng cấp và cấp trên được quyền kháng nghị bản án này theo quy định pháp luật./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện Hồng Dân;
- Chi cục THADS huyện Hồng Dân;
- Đương sự.
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trần Văn Bình

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Bình

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Bạc Liêu;*
- *VKSND huyện Hồng Dân;*
- *CC THADS huyện Hồng Dân ;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*